TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST Ngày 28 - 12 - 2017 V/v tranh chấp về ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huy ện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn K3, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn K 3, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà lấy ông Nguyễn Văn G trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi cưới theo phong tục truyền thống Việt

Nam và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 13/8/1982. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Ông G chơi bời, cờ bạc và đã từng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không chung thủy với bà. Năm năm trở lại đây ông G uống rất nhiều rượu và thay đổi tính nết, suốt ngày chửi bới, đánh bà vô cớ. Bà đã cho cơ hội và khuyên bảo nhiều lần nhưng ông G không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Thực tế bà đã sống ly thân với ông G từ tháng 5/2017 không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bản thân bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà và ông G có 03 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/8/1983; Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/3/1986 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 15/01/1987. Do các con bà đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình hết nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn G:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện K đã giao Thông báo thụ lý vụ án số 201/TB-TLVA ngày 06/10/2017; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 124/TB-TA ngày 08/11/2017 và giấy triệu tập, ông G đã được nhận theo quy định của pháp luật. Tất cả những lần hòa giải ông G mặc dù đã được nhận thông báo về phiên họp và giấy triệu tập theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Ngày 23/11/2017, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2017 (phiên tòa hồi 08 giờ ngày 12/12/2017) cho ông G nhưng ông G vắng mặt không có lý do lần thứ nhất tại phiên tòa, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2017 và ấn định phiên tòa mở hồi 08 giờ ngày 28/12/2017, đã giao cho ông G theo quy định của pháp luật.

Như vậy ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông G, các biên bản xác minh mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tại chính quyền địa phương theo đơn đề nghị của nguyên đơn. Nội dung các biên bản đều thể hiện trong quá trình chung sống bà N và ông G có phát sinh mẫu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông G ham mê cờ bạc, thường

xuyên rượu chè khi say rượu thì chửi bới đánh đập bà N và các con vô cớ. Nay bà N xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn G mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, yêu cầu của bà N phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N được ly hôn ông G; về con chung: Bà N và ông G có 03 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/8/1983; Nguyễn Văn D1, sinh ngày 29/3/1986 và Nguyễn Văn D2, sinh ngày 15/01/1987. Do các con của ông bà đều đã trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Bà N và ông G tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Bà N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện K nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn G là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn G có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 13/8/1982, như vậy hôn nhân giữa bà N và ông G là hôn nhân hợp pháp. Sau hơn 30 chung sống, bà N và ông G phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Trong

quá trình giải quyết vụ án bà N cương quyết xin ly hôn, ông G tuy không đến Tòa án nhưng qua trao đổi trên điện thoại trình bày quan điểm còn tình cảm với bà N và xin đoàn tụ với bà N. Quá trình thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và đại diện của gia đình ông G đều thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông G tính tình gia trưởng, độc đoán luôn chì chiết bà N. Ông G ham mê cờ bạc, thường xuyên rượu chè, khi say sỉn thì chửi bới vợ và các con vô cớ. Nhiều lần ông G còn đánh bà N phải vào bệnh viện điều trị, đuổi các con ra khỏi nhà. Hàng xóm đến can ngăn ông G cũng lớn tiếng quát mắng. Chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả gì. Thực tế hai ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2017 không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông G để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của bà N và ông G đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn G.

[3] Về con chung: Bà N và ông G có 03 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/8/1983; Nguyễn Văn D1, sinh ngày 29/3/1986 và Nguyễn Văn D2, sinh ngày 15/01/1987. Các con ông bà đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Bà N và ông G tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn G.

2. Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA.0006187 ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; bà Trần Thị N đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang